

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ - ST

Ngày 20 – 6 – 2019

“ V/v tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thỏa và ông Lê Mạnh Quỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1974; trú tại: Thôn NH, xã HC, huyện TĐ, tỉnh VP (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Đắc D, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn NH, xã HC, huyện TĐ, tỉnh VP (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D kết hôn với nhau ngày 16/11/1996, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường NQ, thành phố VY. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không cùng quan điểm, cách sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Chị đã làm đơn xin ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo thụ lý giải quyết. Trong quá trình hòa giải Tòa án có khuyên giải hai vợ chồng suy nghĩ về với nhau nên chị xin rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Khi về đoàn tụ thì vợ chồng

vẫn không tìm được tiếng nói chung, anh D vẫn không thay đổi, vẫn thường xuyên chửi bới vợ con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị làm đơn xin được ly hôn với anh D. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 06/10/1997 và cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 24/01/2009. Ly hôn cháu Q đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Q nguyện vọng của chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh D phải đóng góp nuôi con chung.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đắc D vắng mặt tại các buổi làm việc, tại phiên tòa hôm nay anh vắng mặt. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn, thời gian chung sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2017 chị Luyện có làm đơn xin ly hôn, sau đó chị L lại rút đơn xin về đoàn tụ. Nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, thỉnh thoảng vẫn xảy ra xô sát. Đến tháng 01/2019 vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị L xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm, vợ chồng vẫn có thể hàn gắn được.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị L là vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 06/10/1997 và cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 24/01/2009. Nếu phải ly hôn cháu Q đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu Q nguyện vọng của anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu chị L phải đóng góp nuôi con chung.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đắc D.

Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 24/01/2009. Anh Nguyễn Đắc D không phải cấp dưỡng nuôi con chung, không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con, do đó đây là vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Bị đơn anh Nguyễn Đắc D cư trú tại thôn NH, xã HC, huyện TĐ, tỉnh VPh; nên theo qui định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TĐ.

Bị đơn anh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự quy định bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt thì Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung: Chị L, anh D kết hôn với nhau dựa trên cơ sở được tự do tìm hiểu. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án báo gọi anh D lên làm việc nhưng anh D không hợp tác, không đến Tòa án để làm việc. Anh D xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng về đoàn tụ. Nhưng anh D cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống chung giữa chị L và anh D không thể tiếp tục vì anh, chị có mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân; chị L cương quyết ly hôn, anh D xin đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, điều đó khẳng định anh chị không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Đắc D là phù hợp.

Về con chung: Chị L và anh D thống nhất có hai con chung là cháu Q và cháu Q. Hiện nay cháu Q đã trưởng thành chị L và anh D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Còn cháu Q xét thấy nguyện vọng xin nuôi con chung của chị L và anh D đều chính đáng. Tuy nhiên cháu Q đang là học sinh lớp 4, chị L là giáo viên nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q sẽ tốt hơn. Quá trình giải quyết vụ án cháu Q có nguyện vọng xin ở với mẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu Q cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

[1] Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đắc D.

[2] Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 24/01/2009. Anh Nguyễn Đắc D không phải cấp dưỡng nuôi con chung, không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: chị L, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0001047 ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Tam Đảo. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm;

[5] Chị L có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh D vắng mặt cũng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Tam Đảo;*
- *Chi cục THADS huyện Tam Đảo;*
- *UBND phường NQ, Tp VY, tỉnh Vĩnh phúc;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Hạnh